

An Giang, ngày 09 tháng 02 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mức nước trên sông Tiền, sông Hậu xuống theo triều, khu vực nội đồng mức nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mức nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mức nước xuống theo triều, mức nước cao nhất ngày 08/02 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-20cm. Mức nước thấp nhất ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 40-50cm và thấp hơn TBNN từ 05-10cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mức nước xuống chậm, mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 08/02 cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-55cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mức nước trên các kênh, rạch xuống chậm; mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 08/02 hầu hết ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-20cm.
- Khu vực cửa sông: Mức nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên nhanh, đỉnh triều cao nhất ngày 08/02 trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô ở mức 51cm, lên 15cm so với đỉnh triều ngày hôm trước.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mức nước trên các sông, kênh xuống chậm theo xu thế triều trong những ngày tới.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mức nước trên các sông, kênh, rạch xuống nhanh theo triều trong 5 ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: Mức nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm trong những ngày tới.
- Khu vực cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên chậm theo xu thế triều biển Tây trong những ngày tới.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: mặn trên các sông kênh theo triều xâm nhập sâu vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>
Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 10/2/2026
Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 08/02						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			09/2	10/2	11/2	12/2	13/2	09/2	10/2	11/2	12/2	13/2
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2025	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2025	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	26	47	-5	141	17	16	145	144	141	137	133	25	23	20	17	14
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	18	52	20	144	5	23	150	149	146	142	136	17	14	10	6	2
Hậu	Khánh An	420	470	520	62	42	7	127	7	3	125	122	119	114	110	60	58	55	51	47
	Châu Đốc	300	350	400	24	45	4	153	6	-11	158	157	155	151	147	23	21	18	15	12
	Long Xuyên	190	220	250	26	57	44	166	11	41	169	167	164	160	154	25	22	18	14	10
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	20	53	15	155	16	30	159	157	154	150	144	19	16	12	8	4
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	23	13	2	45	-1	-2	46	45	43	41	39	24	23	21	18	15
	Vĩnh Gia	200	240	280	30	13	2	35	6	2	36	35	33	31	29	31	30	28	25	22
	Vĩnh Điều	170	200	230	39	12	4	43	8	-1	44	43	41	39	37	40	39	37	34	31
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	40	11	7	44	7	2	45	44	42	40	38	41	40	38	35	32
T5	Nông Trường	160	190	220	48	11	9	53	6	5	54	53	51	49	47	49	48	46	43	40
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	28	8	5	52	-6	4	55	54	52	49	46	30	28	25	22	19
	Cô Tô	140	180	220	50	7	16	64	-3	18	67	66	64	61	58	52	50	47	44	41
	Nam Thái Sơn	90	120	150	48	6	-	52	-5	-	55	54	52	49	46	50	48	45	42	39
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	26	9	8	34	3	9	36	35	33	30	28	28	27	24	21	17
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	63	6	20	79	-7	18	81	80	78	75	73	65	64	61	58	54
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	68	18	18	109	-6	22	111	110	108	105	103	70	69	66	63	59
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	54	6	4	74	-10	2	77	76	74	71	69	56	55	52	49	45
	Tân Thành	120	150	180	51	5	11	61	-6	3	64	63	61	58	56	53	52	49	46	42
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	38	3	13	45	-7	2	48	47	45	42	40	40	39	36	33	29
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	10	-9	20	30	-1	-4	28	26	24	23	22	9	8	7	6	5
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-19	2	12	51	-28	3	47	49	53	58	65	-21	-23	-25	-28	-31

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





